

Mở rộng vốn từ : *Trật tự - An ninh*

1. Dòng nào dưới đây nêu đúng nghĩa của từ **an ninh** ?

- a) Yên ổn hẳn, tránh được tai nạn, tránh được thiệt hại.
- b) Yên ổn về chính trị và trật tự xã hội.
- c) Không có chiến tranh và thiên tai.

2. Tìm những danh từ và động từ có thể kết hợp với từ **an ninh**.

M : *lực lượng* an ninh, *giữ vững* an ninh

3. Hãy xếp các từ ngữ sau đây vào nhóm thích hợp : **công an, đồn biên phòng, toà án, xét xử, bảo mật, cảnh giác, cơ quan an ninh, giữ bí mật, thẩm phán.**

- a) Chỉ người, cơ quan, tổ chức thực hiện công việc bảo vệ trật tự, an ninh.
- b) Chỉ hoạt động bảo vệ trật tự, an ninh hoặc yêu cầu của việc bảo vệ trật tự, an ninh.

4. Đọc bản hướng dẫn sau và tìm các từ ngữ chỉ những việc làm, những cơ quan, tổ chức và những người có thể giúp em tự bảo vệ khi cha mẹ em không có ở bên.

- a) Để bảo vệ an toàn cho mình, em cần nhớ số điện thoại của cha mẹ và địa chỉ, số điện thoại của ông bà, chú bác, người thân để báo tin.

b) Nếu bị kẻ khác đe dọa, hành hung hoặc thấy cháy nhà hay bị tai nạn, em cần phải :

- Khẩn cấp gọi số điện thoại 113 hoặc 114, 115 để báo tin.
- Kêu lớn để những người xung quanh biết.
- Nhanh chóng chạy đến nhà hàng xóm, bạn bè, nhà hàng, cửa hiệu, trường học, đồn công an.

c) Khi đi chơi, đi học, em cần :

- Đi theo nhóm, tránh chỗ tối, tránh nơi vắng vẻ, để ý nhìn xung quanh.
- Không mang đồ trang sức hoặc vật đắt tiền.

d) Khi ở nhà một mình, em phải khoá cửa, không cho người lạ biết em chỉ có một mình và không để người lạ vào nhà.

Theo GIA KÍNH



- **113** : số điện thoại của lực lượng công an thường trực chiến đấu.
- **114** : số điện thoại của lực lượng công an phòng cháy chữa cháy.
- **115** : số điện thoại của đội thường trực cấp cứu y tế.